VIETNAM 1:50,000

EDITION 1-AMS
XUẤT-BẢN LẦN THỨ 1-AMS

TUY AN

SHEET 6835 I
SERIES L7014

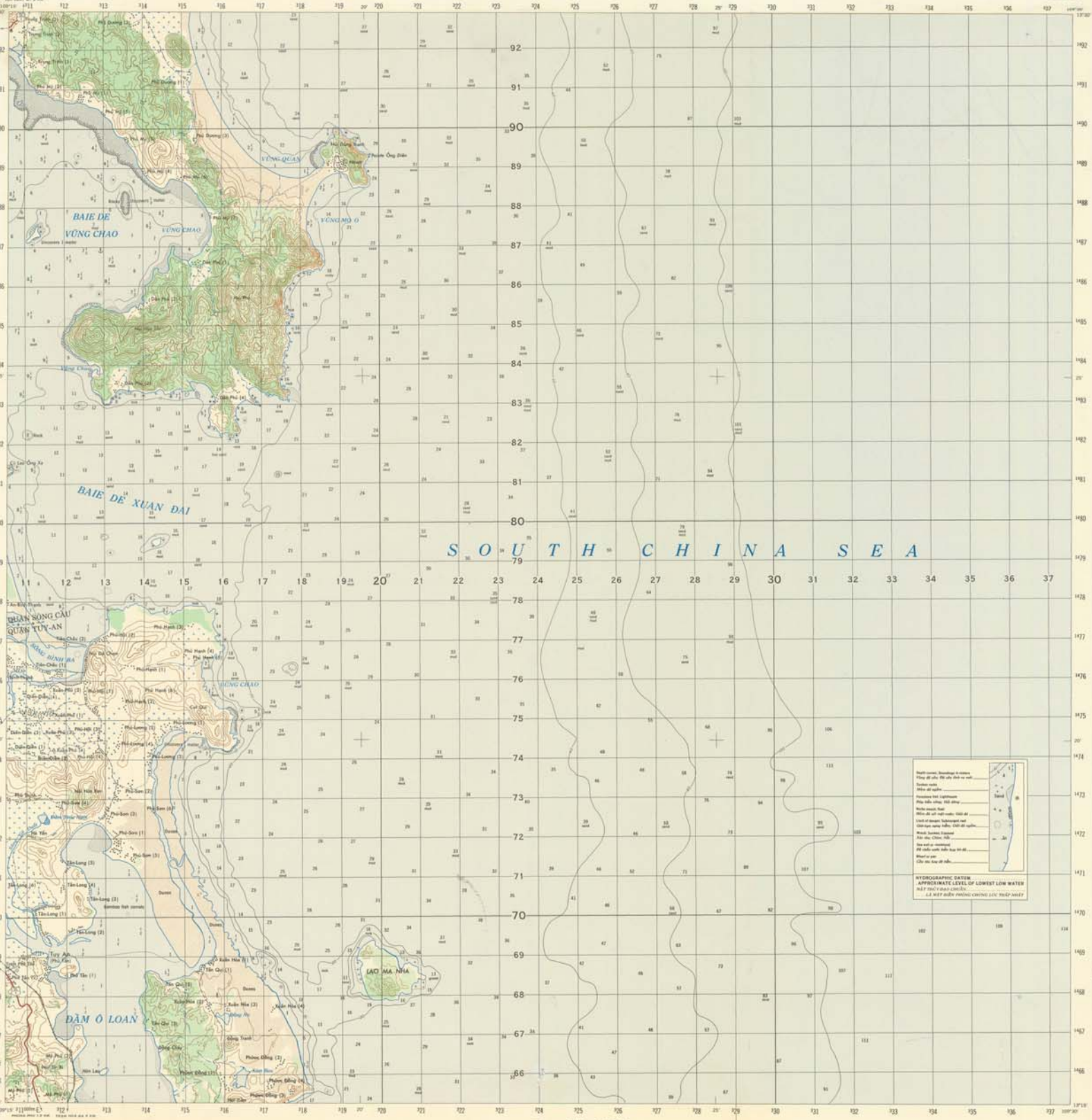

Scale Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TRỢ: 10 MÉT

SPHEROID ..... EVEREST
GRID ..... 1,000 METER UTM ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION ..... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM ..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM ..... INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY ..... AMS U.S. ARMY, 1965
NAMES BY ..... NGS, VIETNAM
CONTROL BY ..... 27TH ENGR BN; NGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM ..... NAVOCEANO CHARTS
PRINTED BY ..... MS U.S. ARMY

REPORT CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
XIN GỬI NHỮNG SỰ SỬA ĐỔI TRONG BẢN-ĐỒ NÀY ĐẾN NHÀ ĐỊA-DƯ QUỐC GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẢN ÁNH VỀ TỔNG QUÁT

GLOSSARY — CỔ-TỰ

An ..... village
Bara ..... bar
Co Leo ..... island
Dien ..... lagoon, lake
Hon ..... island
Lac ..... island
Mui ..... promontory
Mouie ..... point
Ong ..... stream
Trani ..... power relay station
Vung ..... bay
Xom ..... village

DISTRIBUTION LIMITED - DESTROY WHEN NO LONGER NEEDED

TRUE NORTH
BẮC ĐỊA-DƯ

GRID CONVERGENCE
FOR CENTER OF SHEET
HỘI TỤ ĐƯỜNG KỶ Ô VUÔNG
TÂM Ở TRUNG TÂM BẢN-ĐỒ
0°23' (7 MILS) W.U.

TRUE
G.N. ANGLE
GÓC V-T
1° (60 MILS) W.U.

MAGNETIC NORTH
BẮC TỪ

MAGNETIC DECLINATION
ĐỘ LỆCH BẮC TỪ
1°23' (25 MILS) W.U.
1965

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH ADD G.-M ANGLE
NHÂN ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG CỘNG THÊM GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH SUBTRACT G.-M ANGLE
NHÂN ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ TRỪ GÓC V-T

ELEVATION GUIDE
CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
RANH-GIỚI LÂNH-THỔ

ADJOINING SHEETS
BẢN-ĐỒ KỀ-CẬN

TUY AN (PHÚ TÂN), VIETNAM STOCK NO. L701468351